

KT3-05698BTP3/R

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

27/03/2024  
 Page 01/03

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ  
 KT3-05698BTP3 NGÀY 09/10/2023**  
**THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-05698BTP3 DATED 09/10/2023**

- Tên mẫu : KHÔ BÒ XÔNG KHÓI TAM FOOD VỊ CAY  
*Name of sample*
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample were supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
*Sample description*  
 Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
*As received sample is intact package and brand.*
- Số lượng mẫu /Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu : 26/09/2023  
*Date of receiving*
- Thời gian thử nghiệm : 27/09/2023 - 09/10/2023  
*Testing duration*
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH TAMFOOD  
 163, đường Công Lý, ấp Hoà Bình, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai  
*Customer*
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02,03/03  
*Test results*

**Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 03/CV-TF ngày 25/03/2024:**  
**The information was changed according to customer's official dispatch no 03/CV-TF dated 25/03/2024:**

Nội dung/ Item	Ban đầu/ Initial	Thay đổi/ Change as
Tên mẫu/ Name of sample	KHÔ BÒ XÔNG KHÓI TAM FOOD SIÊU CAY	KHÔ BÒ XÔNG KHÓI TAM FOOD VỊ CAY
Nơi gửi mẫu/ Customer	HỘ KINH DOANH THỰC PHẨM TAM 163 Đường Công Lý, Ấp Hoà Bình, Xã Vĩnh Thanh, Huyện Nhon Trạch, Tỉnh Đồng Nai	CÔNG TY TNHH TAMFOOD 163, đường Công Lý, ấp Hoà Bình, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai

**TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**  
**HEAD OF FOOD TESTING LAB.**

**Nguyễn Thành Công**

**TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /**  
**HEAD OF TESTING LAB.**

**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .*  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

KT3-05698BTP3/R

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

27/03/2024  
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm /Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ ẩm, Moisture content	g/100 g	QTTN/KT3 136 : 2016		-	26,9
7.2. Trị số peroxide, Peroxide value	meq/kg	QTTN/KT3 200:2019		0,2	Không phát hiện Not detected
7.3. Phản ứng Kreiss Kreiss reaction		(A)	N/A	N/A	N/A
7.4. Định tính hydro sunphua (H <sub>2</sub> S) Qualitative test for hydrogen sulfide		QTTN/KT3 217 : 2018 (Ref: TCVN 3699 : 1990)		-	Âm tính Negative
7.5. Hàm lượng nitơ amoniac, mg/100 g Ammonical nitrogen content		QTTN/KT3 214 : 2018 (Ref: TCVN 3706 : 1990)		-	33
7.6. Hàm lượng nitrit, Nitrite content	mg/kg	AOAC 2019 (973.31)	5,0		Không phát hiện Not detected
7.7. Định danh màu Sunset yellow Identification of Sunset yellow color		TCVN 5517 : 1991		-	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng benzoate qui ra natri benzoate, Benzoate content as sodium benzoate	mg/kg	EN 12856 : 1999	10		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 <sup>-2</sup>		Nhỏ hơn 3,00 x 10 <sup>-2</sup> (**) Less than
7.10. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 <sup>-2</sup>		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 <sup>-2</sup>		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 971.21)	1,50 x 10 <sup>-2</sup>		Không phát hiện Not detected
7.13. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Total aerobic plate count	CFU/g	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		1,5 x 10 <sup>2</sup>
7.14. E. Coli,	CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> Less than

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-05698BTP3/R

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

27/03/2024  
 Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.15. <i>Salmonella</i> spp /25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-	-	Không phát hiện Not detected
7.16. Năng lượng(*)/ Calories • kcal/100 g • kJ/100 g	QTTN/KT3 024:2018	-	-	2,87 x 10 <sup>2</sup> 1,20 x 10 <sup>3</sup>
7.17. Hàm lượng béo, g/100 g Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)	-	-	3,27
7.18. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 g Saturated fat content	AOAC 2019 (996.06)	-	-	1,01
7.19. Hàm lượng béo dạng trans, g/100 g Trans fat content	AOAC 2019 (996.06)	-	9,00 x 10 <sup>-3</sup>	Không phát hiện Not detected
7.20. Hàm lượng cholesterol, mg/100 g Cholesterol content	AOAC 2019 (994.10)	-	-	64,8
7.21. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC (969.23))	-	-	1,42 x 10 <sup>3</sup>
7.22. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g Carbohydrate content	QTTN/KT3 317:2022	-	-	22,2
7.23. Hàm lượng đường tổng qui ra glucose, g/100 g Total sugar content as glucose	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)	-	-	22,0
7.24. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method	-	-	42,3
7.25. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 +G1 + G2), µg/kg Total aflatoxin content	TCVN 7596 : 2007	-	0,75	Không phát hiện Not detected
7.26. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596 : 2007	-	0,75	Không phát hiện Not detected
7.27. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	-	Không phát hiện Not detected

**Ghi chú/ Note:** Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(A): Hiện nay Trung tâm Kỹ thuật 3 chưa có phương pháp thử phù hợp cho mẫu này  
 Quatest 3 does not have suitable test method for this sample.

(\*\*): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.